TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2023/KDTM-ST Ngày: 28-7-2023 V/v: "Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;

2. Ông Hồng Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 08/2023/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ ĐP.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Đình P – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Võ Đoàn Xuân H, sinh năm 1981. (theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2023) *Có mặt*

+ Bà Mai Thị L, sinh năm 1999. (theo văn bản ủy quyền số 27/UQ-DDP ngày 29/11/2022, ngày 16/6/2023, ngày 27/7/2023). *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: số 123, đường Ph, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ vận tải KT.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quốc T – chức vụ: Giám đốc. *vắng mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1981. *vắng mặt*

Cùng địa chỉ: thôn N, xã H, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2022 và bản trình bày ngày 23/12/2022 người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: vào ngày 25/10/2019, đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ ĐP (gọi tắt là công ty ĐP), ông Trần Đình P và đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ vận tải KT (gọi tắt là công ty KT), ông Nguyễn Thành Tr đã ký kết hợp đồng mua bán xăng, dầu, dầu nhớt số 11/2019 HĐMB. Thực hiện đúng hợp đồng, công ty ĐP đã tiến hành giao hàng cho công ty KT theo như cam kết. Về phía công ty KT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng. Ngày 22/10/2021, công ty ĐP và Công ty KT đã ký kết biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, đề nghị thanh toán nợ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 22/10/2021 và bảng chi tiết công nợ phải thu ngày 22/10/2021, theo đó, công ty KT xác nhận còn nợ công ty ĐP số tiền 1.240.945.456 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng: "Nếu quá hạn bên B chưa thanh toán cho bên A, thì bên B phải chịu phạt lãi suất chậm trả 0,6%/ngày/số tiền chậm trả". Sau đó, vào ngày 22/10/2021, hai bên đã thoả thuận lại mức lãi suất chậm trả là 0,75%/tháng/số tiền chậm trả. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do công ty KT đã vi phạm thời hạn thanh toán nên công ty KT có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh cho công ty ĐP theo lãi suất 0,75%/tháng/số tiền chậm trả kể từ ngày đến hạn cho tới ngày thanh toán đầy đủ các khoản nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn buộc công ty KT phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.240.945.456 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử.

Tại đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện các ngày 17/3/2023, 28/7/2023 và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Mai Thị L và ông Võ Đoàn Xuân H trình bày: ngày 17/3/2023, công ty ĐP xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ gốc theo đơn khởi kiện là 179.857.706 đồng. Ngày 26/7/2023, công ty KT chuyển trả cho công ty ĐP số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng nên công ty ĐP tiếp tục yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Như vậy, hiện nay công ty ĐP yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn buộc công ty KT phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2023 là 1.309.366.404 đồng, trong đó nợ gốc 961.087.750 đồng, nợ lãi đến ngày 28/7/2023 là 348.278.654 đồng (lãi suất 9%/năm).

Tại bản tự khai ngày 03/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của công ty KT là ông Phạm Quốc T trình bày: ông xác nhận giữa công ty ĐP và công ty KT có ký kết hợp đồng mua bán xăng, dầu, dầu nhớt số 11/2019 HĐMB ngày 25/10/2019. Công ty KT còn nợ công ty ĐP là 1.240.945.456 đồng. Nay công ty ĐP khởi kiện yêu cầu trả tiền, Công ty KT đồng ý trả tiền nợ gốc, không đồng ý trả tiền lãi. Công ty KT cam

kết sẽ trả tiền gốc từ tháng 02 đến tháng 5/2023, mỗi tháng trả 30.000.000 đồng, từ tháng 6/2023 trở đi, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng.

Tại bản trình bày và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Tr trình bày: ông Tr xác nhận giữa công ty ĐP và Công ty KT có ký hợp đồng mua bán xăng, dầu, dầu nhớt số 11/2019 HĐMB ngày 25/10/2019. Công ty KT còn nợ công ty ĐP là 1.240.945.456 đồng. Hiện ông Trung đã chuyển nhượng công ty và toàn bộ công nợ của công ty KT cho ông Phạm Quốc T nên ông không liên quan nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thu thập toàn bộ hồ sơ pháp nhân của Công ty KT. Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty KT đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/7/2018, lần thứ 7 ngày 31/12/2020, lần thứ 8 và lần thứ 9, người đại diện theo pháp luật của công ty KT là ông Nguyễn Thành Tr; từ lần thay đổi thứ 10 ngày 04/5/2022, người đại diện theo pháp luật của công ty KT là ông Phạm Quốc T.

Về lãi suất của 03 ngân hàng: tại công văn số 485/CB-Qna-KT ngày 14/6/2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), chi nhánh Quảng Nam, đối với thời hạn vay trên 12 tháng, lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm. Tại Công văn số 1263/NHNoQNa-KHNV ngày 15/6/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), chi nhánh Quảng Nam, đối với cho vay trung, dài hạn, lãi suất cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường tối thiểu 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm. Tại Công văn số 54/2023/TB-PGDQS ngày 26/7/2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. (Sacombank), Phòng giao dịch Quế Sơn, chi nhánh Quảng Nam, đối với cho vay trung, dài hạn, lãi suất trong hạn từ 12,5 -13,8% năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: tại Điều 6 của Hợp đồng mua bán xăng, dầu, dầu nhớt số 11/2019 HĐMB ngày 25/10/2019, công ty ĐP và công ty KT đã lựa chọn Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam là cơ quan giải quyết tranh chấp. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ ĐP yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ vận tải KT trả số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 28/7/2023) là 1.309.366.404 đồng, trong đó nợ gốc 961.087.750 đồng, nợ lãi đến ngày 28/7/2023 là 348.278.654 đồng.

Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa hai pháp nhân và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn – ông Phạm Quốc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thành Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hiệu lực hợp đồng:

Về chủ thể: vào thời điểm 2019, người đại diện theo pháp luật của công ty KT là ông Nguyễn Thành Tr. Hợp đồng mua bán xăng, dầu, dầu nhớt số 11/2019 HĐMB ngày 25/10/2019 do người đại diện theo pháp luật của Công ty ĐP là ông Trần Đình P và người đại diện theo pháp luật của công ty KT là ông Nguyễn Thành Tr ký kết. Do đó, chủ thể tham gia giao kết Hợp đồng mua bán xăng, dầu, dầu nhớt số 11/2019 HĐMB ngày 25/10/2019 đảm bảo về năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự.

Hợp đồng mua bán xăng, dầu, dầu nhớt số 11/2019 HĐMB ngày 25/10/2019 có dấu mộc và chữ ký của hai bên, có mục đích lợi nhuận. Đối tượng của hợp đồng phù hợp giấy phép kinh doanh. Nội dung và hình thức hợp đồng đã được lập bằng văn bản, phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 3 và Điều 24 Luật Thương mại, các Điều 398 và 430 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 8 Điều 3 và Điều 24 Luật Thương mại, các Điều 117, 398, 401, 430 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng mua bán xăng, dầu, dầu nhớt số 11/2019 HĐMB ngày 25/10/2019 có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Về yêu cầu trả tiền mua hàng: tại biên bản đối chiếu công nợ lập ngày lập ngày 22/10/2021, công ty ĐP và công ty KT đã xác nhận công ty KT còn nợ số tiền 1.240.945.456 đồng (trong đó, tiền nợ gốc 1.061.087.750 đồng và

tiền lãi tính đến ngày 22/10/2021 là 179.857.706 đồng). Tại Điều 3 Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp quy định: *"bên B (ông T) có trách nhiệm kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của bên A (ông Trung) kể từ ngày hoàn tất việc chuyển nhượng"*. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng thống nhất số nợ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/10/2021 của công ty KT (bao gồm tiền nợ gốc và nợ lãi đến ngày 22/10/2021). Đây là tình tiết, sự việc đã được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 26/7/2023, Công ty KT đã chuyển trả 100.000.000 đồng nợ gốc cho Công ty ĐP. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại số tiền gốc là 961.087.750 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/10/2021 là 179.857.706 đồng.

Đối với yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của bị đơn - ông Phạm Quốc T về phương án trả tiền gốc từ tháng 02 đến tháng 5/2023, mỗi tháng trả 30.000.000 đồng, từ tháng 6/2023 trở đi, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng. Nguyên đơn không thống nhất nên Hội đồng xét xử không ghi nhận.

Về yêu cầu tính lãi: sau khi lập biên bản đối chiếu công nợ, công ty KT không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng, hai bên thoả thuận: "nếu quá hạn, bên B chưa thanh toán cho bên A thì bên B phải chịu lãi suất chậm trả 0,6%/ngày/số tiền chậm trả". Thoả thuận này trái với quy định với Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả 0,75%/tháng, tương ứng 9%/năm là thấp hơn trung bình lãi của ba ngân hàng, phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại, các Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hơn nữa, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/10/2021, hai bên thoả thuận lại mức lãi là 9%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại, các Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc công ty KT phải trả cho công ty ĐP số tiền lãi tính từ ngày 23/10/2021 đến ngày 28/7/2023 là 168.420.948 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi thi hành xong.

[3]. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại, các

Điều 117, 357, 398, 401, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ ĐP.

1. Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ vận tải KT phải trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ ĐP số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 28/7/2023) là 1.309.366.404 *(Một tỷ ba trăm lẻ chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ bốn)* đồng, trong đó nợ gốc 961.087.750 *(Chín trăm sáu mươi mốt triệu không trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi)* đồng, nợ lãi đến ngày 28/7/2023 là 348.278.654 *(Ba trăm bốn mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi tư)* đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ vận tải KT phải chịu là 51.281.992 *(năm mươi mốt triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm chín mươi hai)* đồng.

Trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ ĐP số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 26.468.460 *(hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi)* đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004064 ngày 19/12/2022.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;

- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Mai Loan